

*Bản án số: 03/2024/HSST
Ngày 10 - 01 - 2024*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN – HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn, bà Lê Thị Huân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 121/2023/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/HS-QĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 đối với:

- Bị cáo Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2000, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị U; vợ: Triệu Thị M; con: Có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 28/9/2023 chuyển sang tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị hại: Chị Bùi Thị Phương T1, sinh năm 2000, Nơi ĐKNKTT: xóm R, xã T, huyện L, tỉnh Hoà Bình, tạm trú: Tổ dân phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Quách Thị D, sinh năm 1998, Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá; tạm trú: Tổ dân phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Công ty tài chính TNHH một thành viên H; địa chỉ: Tầng G, 8 và 10 Toà nhà P, số 20 N, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Annica Maria W – Tổng giám đốc, vắng mặt.

+ Anh Bùi Văn C, sinh năm 1993, nơi cư trú: TDP G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1991, nơi ĐKNKTT: Xóm N, xã X, huyện L, tỉnh Hoà Bình; chỗ ở: Phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1973, nơi cư trú: TDP G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: TDP số 3, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1958, nơi cư trú: TDP G phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Lê Anh Đ, sinh năm 1995, nơi cư trú: TDP Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Quách Thị D và chị Bùi Thị Phương T1 cùng thuê trọ tại nhà của Nguyễn Thành Đ ở tổ dân phố Giáp Nhất, phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Do không có xe mô tô đi làm nên tối ngày 16/8/2023 Đ nhắn tin hỏi mượn xe mô tô Honda Wave RSX, BKS: 28N1-485.XX của chị T1 để đi lại khi cả hai làm cùng công ty nhưng lệch ca nhau thì chị T1 đồng ý. Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 18/8/2023, chị T1 đến công ty Wistron ở Khu công nghiệp Đồng Văn III làm việc và đưa xe mô tô 28N1-485.XX cho Đ mượn đi về. Sau đó Đ đi hát Karaoke cùng bạn tại quán G ở tổ dân phố Thần Nữ, phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì nghỉ thanh toán hết hơn 7.000.000 đồng, do không có tiền trả nên Đ đã để lại xe mô tô BKS 28N1-485.XX tại quán G để làm tin. Khoảng hơn 19 giờ cùng ngày Đ mượn xe mô tô Honda Vision BKS: 36E1-362.YY của chị D để đi đón chị T1 từ công ty về. Trên đường về chị T1 hỏi xe của mình đâu thì Đ nói dối chị T1 là do Công an giao thông bắt, chị T1 đã đưa giấy tờ xe cho Đ để Đ đi lấy xe về. Đ cầm đăng ký xe mô tô, giấy phép lái xe và Bảo hiểm xe mô tô của chị T1 rồi đi chơi đến sáng ngày 19/8/2023 về chờ chị D đi làm tại công ty WNC trong khu công nghiệp Đồng Văn III. Lúc này do không xoay được tiền trả cho quán G nên Đ nảy sinh ý định mang xe mô tô BKS: 28N1-485.XX đi cầm cố lấy tiền. Sau đó Đ mang xe mô tô của chị D đến quán G để làm tin rồi mang xe mô tô BKS: 28N1-485.XX của chị T1 đến quán sửa chữa xe máy ở phường Đ, thị xã Duy Tiên của anh Bùi Văn C với mục đích cầm cố xe lấy tiền trả cho quán G. Tại đây Đ nói với anh C "Anh cầm cho em cái xe này với, xe không có giấy tờ, xe của em, vợ em cầm giấy tờ rồi", anh C nói "Ừ" rồi kiểm tra xe và đồng ý cho Đ cầm cố xe với số tiền 5.000.000đồng. Sau đó Đ trả tiền cho quán G và lấy xe mô tô của chị D về trả cho

chị D. Đến tối ngày 19/8/2023, Đ mượn xe mô tô của chị D đi xuống tổ dân phố T, phường B giặt quần áo, tại đây Đ gọi điện cho anh C và nói "Anh ơi, em muốn lấy thêm tiền con xe kia có được không", anh C nói "Không được đâu em ơi, xe không có giấy tờ chỉ được thế thôi", Đ nói "Thế em có thêm giấy tờ thì được bao nhiêu", anh C nói "Nếu thêm giấy tờ thì được thêm sáu triệu", Đ nói "em có giấy tờ đây rồi", anh C nói "Để anh xem có gì anh gọi". Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, anh C gọi điện và hẹn gặp Đ, khi gặp nhau tại tổ dân phố T, phường B, Đ đưa đăng ký của xe mô tô 28N1-485.XX cho anh C, hai bên thống nhất mua bán chiếc xe với số tiền 11.000.000đồng, anh C đã chuyển khoản cho Đ số tiền 6.000.000đồng. Trong quá trình quản lý xe mô tô trên, anh C đã bán chiếc xe mô tô này cho một người tên là Th ở Nghệ An (không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể).

Khoảng ba ngày sau khi bán xe của chị T1 cho anh C, Đ mượn xe mô tô của chị D đến quán Internet Th ở tổ dân phố T chơi và vay của anh Lê Anh Đ1 là nhân viên của quán Internet số tiền hơn 6.000.000đồng, cộng với số tiền phải thanh toán cho quán Internet thì Đ nợ anh Đ1 tổng cộng 7.000.000đồng, do không có tiền trả, Đ để lại xe 36E1-362.YY cho anh Đ1 quản lý, sau đó Đ nhờ anh C đến trả tiền cho anh Đ1 và giao xe mô tô 36E1-362.YY cho anh C quản lý. Do cần có tiền trả cho anh C để lấy xe mô tô về trả cho chị D và tiền để mua xe mô tô khác trả cho chị T1 nên Đ đã nhờ ông Nguyễn Văn T3 là ông ngoại của Đ vay tiền giúp Đ và cùng đến nhà C đưa cho C số tiền 24.000.000đồng trong đó có 7.000.000đồng là tiền lấy xe mô tô BKS: 36E1-362.YY và 17.000.000đồng là số tiền Đ nhờ anh C mua xe mô tô khác trả cho chị T1. Sau đó anh C tìm được xe Honda Wave RSX cũ nhưng chị T1 không đồng ý nên Đ lấy lại số tiền 17.000.000đồng ở chỗ anh C và tiêu sài hết. Đ thống nhất với chị T1 mua xe trả góp trả cho chị T1. Ngày 01/9/2023, Đ cùng chị T1 đến cửa hàng Thọ Huyền 6 ở phường Đồng Văn mua trả góp xe mô tô Honda Wave anpha màu trắng - đen với giá 21.400.000đồng, trả trước 4.400.000đồng, còn lại 17.000.000 đồng phải trả trong 12 tháng, mỗi tháng phải trả gốc và lãi là 1.800.000đồng, chị T1 là người đứng tên trong hợp đồng mua xe và trả góp hàng tháng, Đ viết giấy cam kết với chị T1 mỗi tháng đưa cho chị T1 số tiền 1.800.000 đồng để trả góp chiếc xe này. Sau khi ký hợp đồng trả góp xe nhưng Đ chưa vay được số tiền 4.400.000 đồng để trả trước nên Đ gọi điện cho anh C và nhờ anh C ra thanh toán hộ số tiền trên đồng thời để lại chiếc xe trên cho anh C quản lý. Tối ngày 01/9/2023 Đ gọi điện cho anh C và hỏi vay thêm tiền, anh C đồng ý và cho Đ vay thêm 4.500.000đồng, đến ngày 08/9/2023 Đ trả tiền cho anh C 8.900.000 đồng rồi lấy xe Honda Wave anpha về với mục đích trả cho chị T1 nhưng do lại đi hát Karaoke cùng bạn bè nên ngày 09/9/2023, Đ tiếp tục mang xe Honda Wave anpha đến để lại cho anh C và vay số tiền 9.000.000 đồng. Đến tối ngày 12/9/2023, Đ mượn xe mô tô BKS: 36E1-362.YY của chị D đi đến quán Internet ở tổ dân phố L chơi sau đó đến quán

Internet Th chơi điện tử. Tại đây, Đ đã hỏi mượn anh Đ1 số tiền 4.000.000 đồng để đi chuộc điện thoại của mình, sau khi chuộc điện thoại, Đ về quán Th và nhắn tin nhờ người ra trả tiền cho anh Đ1 nhưng không nhờ được ai nên Đ lại gọi cho anh C nhờ trả tiền cho anh Đ1, lúc này anh C không ở nhà nên hẹn hôm sau mới về, Đ tiếp tục chơi điện tử tại quán Thiên Long đến tối ngày 13/9/2023 thì anh C về quán Th và thanh toán cho anh Đ1 tổng số tiền là 7.000.000 đồng, sau đó Đ đã để lại xe mô tô BKS: 36E1-362.YY cho anh C để làm tin. Khi về nhà, chị D không thấy Đ mang xe về thì hỏi "xe đâu", Đ bảo với chị D là mang đi cầm cố, chị D và Đ thống nhất với nhau là trong vòng hai tuần Đ sẽ chuộc xe về trả chị D. Khi đang tìm cách lấy xe mô tô BKS: 36E1-362.YY về trả cho chị D thì chị T1 và chị D trình báo Công an phường Bạch Thược.

Vật chứng thu giữ, gồm:

Tạm giữ đồ vật, tài liệu do anh Bùi Văn C giao nộp: 01 giấy mua bán xe mô tô BKS: 28N1-485.XX; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu sơn trắng - nâu, BKS: 36E1-362.YY; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu sơn trắng - đen, không đeo biển kiểm soát.

Quá trình truy tìm vật chứng đã xác định và tạm giữ của anh Nguyễn Văn T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn trắng - đen, BKS: 28N1-485.XX và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy của xe mô tô BKS: 28N1-485.XX.

Tạm giữ của chị Bùi Thị Phương T1 số tiền 4.400.000 đồng. Đây là số tiền chị T1 nộp lại để trả cho Nguyễn Thành Đ để đề nghị nhận lại chiếc xe mô tô Honda Wave anpha mà chị đã đứng tên mua trả góp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐ ngày 26/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Duy Tiên kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 36E1- 362.YY có giá 18.000.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS: 28N1-485.XX có giá 13.000.000 đồng.

Cáo trạng số 124/CT - VKS - DT ngày 22/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên đã truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1XX Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 1XX; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thành Đ từ 12 đến 15 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo; ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn có quan điểm về trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án và tuyên án phí đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành Đ và anh Bùi Văn C thống nhất đề nghị Tòa án tuyên trả anh Bùi Văn C số tiền 4.400.000 đồng tại vật chứng vụ án và

anh C không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường mình số tiền 11.600.000 đồng còn lại.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo Đ xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam và Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Xét lời khai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 18/8/2023, tại khu công nghiệp Đ thuộc phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, Nguyễn Thành Đ đã mượn xe mô tô Honda Wave RSX BKS: 28N1-485.XX của chị Bùi Thị Phương T1 để làm phương tiện đi làm, tuy nhiên Đ đã dùng chiếc xe này ký gửi để vay tiền của anh Bùi Văn C, đến ngày 19/8/2023 Đ đã bán chiếc xe trên cho anh C với số tiền 11.000.000 đồng. Giá trị tài sản mà Nguyễn Thành Đ chiếm đoạt của chị Bùi Thị Phương T1 là 13.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả liên quan đến xe mô tô biển kiểm soát 28N1 - 485.XX, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] *Về hình phạt:* Từ nhận định trên, nhận thấy do bị cáo ham chơi, lười lao động, không chịu tu dưỡng bản thân, coi thường pháp luật vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp thực tế và khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[5] *Về các hành vi khác:*

Đối với hành vi Nguyễn Thành Đ mượn xe mô tô Honda Vision BKS: 36E1-362.YY của chị Quách Thị D vào ngày 12/9/2023 rồi mang đi ký gửi để Đ vay tiền của anh Bùi Văn C 7.000.000 đồng để đi trả nợ tiền đánh điện tử và tiền vay của anh Lê Anh Đ1 trước đó. Sau khi cầm xe cho anh C, Đ có về nói cho chị D biết việc Đ cầm chiếc xe mô tô cho anh C nên giữa chị D và Đ đã thống nhất với nhau sau hai tuần thì Đ có trách nhiệm lấy xe mô tô về trả cho chị D. Tuy nhiên đến ngày 18/9/2023 Đ bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Duy Tiên giữ người trong trường hợp khẩn cấp do vậy Đ chưa chuộc lại được chiếc xe trên để trả cho chị D nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý hành vi này của Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với hành vi ngày 01/9/2023 Đ mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu sơn trắng - đen không biển kiểm soát (chiếc xe này đứng tên chị Bùi Thị Phương T1 mua theo hình thức trả góp nhưng Nguyễn Thành Đ là người trực tiếp trả tiền mua xe) ký gửi cho anh C lấy 8.900.000đồng, thời gian sau đó Đ đã thanh toán cho anh C số tiền trên. Đến ngày 09/9/2023 Đ tiếp tục ký gửi chiếc xe trên cho anh C lấy 9.000.000đồng đến nay chưa trả được cho anh C. Cơ quan điều tra xác định về nguồn tiền để mua chiếc xe trên là do Nguyễn Thành Đ vay của anh C và thống nhất chị Bùi Thị Phương T1 đứng tên trong hợp đồng trả góp. Việc Đ mang chiếc xe trên ký gửi cho anh C để lấy tiền là giao dịch dân sự. Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý Đ về hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với anh Bùi Văn C không hứa hẹn, bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Thành Đ về việc lãi suất cho vay khi Đ mang xe mô tô đến ký gửi, anh C chỉ cho Đ vay tiền và giữ lại xe mô tô để làm tin, khi mua xe mô tô Honda Wave RSX BKS: 28N-485.XX anh C không biết nguồn gốc tài sản là do Đ phạm tội mà có. Còn anh Nguyễn Văn T là người đã mua chiếc xe mô tô BKS: 28N-485.XX của một người tên Hải ở Điện Biên (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) qua mạng xã hội. Khi mua chiếc xe này, anh T không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô là do người khác phạm tội mà có. Hành vi đó của anh C và anh T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên không khởi tố, điều tra đối với anh C và anh T là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

Ông Nguyễn Hồng T là bố đẻ của Nguyễn Thành Đ đã tự nguyện khắc phục cho anh Nguyễn Văn T số tiền 16.000.000đồng, anh T đã nhận tiền và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự; chị Bùi Thị Phương T1 đã nhận được xe mô tô Honda Wave RSX BKS: 28N1-485.XX và không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với chiếc xe mô tô này; chị Quách Thị D đã nhận được xe mô tô Honda

Vision BKS: 36E1-362.YY và không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn C đề nghị bị cáo Nguyễn Thành Đ trả lại số tiền Đ đã vay của anh là 16.000.000đồng nhưng tại phiên toà anh Bùi Văn C và bị cáo Nguyễn Thành Đ cùng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận quan điểm hai bên, trả lại anh C số tiền 4.400.000 đồng tại phần vật chứng của vụ án (số tiền mà chị T1 nộp trả bị cáo Đ khi bị cáo Đ ứng ra để mua xe mô tô) và anh C không yêu cầu bị cáo Đ phải trả cho mình số tiền 11.600.000 đồng nữa. Xét thấy quan điểm trên của bị cáo Nguyễn Thành Đ và anh Bùi Văn C là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với xe mô tô Honda Wave RSX BKS: 28N1-485.XX: Quá trình điều tra, xác định được chiếc xe trên đã được anh Bùi Văn C bán cho một người tên Thành ở Nghệ An, sau đó được bán cho nhiều người và được anh Nguyễn Văn T sinh năm 1991 trú tại phố Tân Giang, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình mua lại với số tiền 16.000.000đồng, anh T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe nêu trên cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên, xác định chiếc xe này là tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị Phương T1 đã bị Nguyễn Thành Đ chiếm đoạt nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên đã trả chiếc xe trên cùng giấy tờ xe cho chị T1 là phù hợp pháp luật.

Đối với xe mô tô Honda Vision BKS: 36E1-362.YY là tài sản hợp pháp của chị Quách Thị D nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên đã trả chiếc xe trên cho chị D là phù hợp pháp luật.

Đối xe mô tô Wave anpha màu sơn trắng-đen, chưa đăng ký, chưa có biển kiểm soát được Nguyễn Thành Đ mua nhờ chị Bùi Thị Phương T1 đứng tên trong hợp đồng mua trả góp với giá 21.400.000 đồng nhằm mục đích đến chiếc xe mô tô này cho chị T1. Tuy nhiên Đ mới trả được 4.400.000 đồng, số tiền còn lại 17.000.000 đồng chị T1 là người phải trả góp trong 12 tháng, mỗi tháng cả gốc và lãi là 1.800.000 đồng, đến nay chị T1 đã trả được 01 tháng. Quan điểm của chị T1 và bị cáo Đ đều xác định chiếc xe này chị T1 đứng tên mua trong hợp đồng trả góp và đang làm thủ tục đăng ký mang tên chị T1 nên hai bên thống nhất chị T1 trả cho bị cáo Đ số tiền bỏ ra mua xe trả góp (4.400.000 đồng) và chị T1 lấy xe trên để sử dụng. Đồng thời Công ty tài chính TNHH một thành viên H có quan điểm tính đến thời điểm hiện tại khách hàng (chị Bùi Thị Phương T1) chưa hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho H đối với Hợp đồng nói trên và chưa phát sinh tranh chấp nào liên quan đến việc thực hiện hợp đồng, trong trường hợp có tranh chấp xảy ra đối với khoản nợ hiện tại của khách hàng thì công ty sẽ yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ việc độc lập. Hơn nữa chiếc xe mô tô này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thành Đ nên trả lại cho chị T1 chiếc xe mô tô trên và trả lại bị cáo Nguyễn Thành Đ số tiền 4.400.000

đồng. Do vậy cần ghi nhận sự thoả thuận của bị cáo Nguyễn Thành Đ và anh Bùi Văn C tại phân trách nhiệm dân sự nên trả lại anh Bùi Văn C số tiền trên là có căn cứ.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Thành Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2023.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Trả lại anh Bùi Văn C số tiền 4.400.000 đồng.

Trả lại chị Bùi Thị Phương T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon Da.

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thị xã Duy Tiên với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên; riêng số tiền này đã được chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên ngày 24/11/2023).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thành Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm: Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- CQCSĐT CA thị xã Duy Tiên;
- CQTHAHS Công an thị xã Duy Tiên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tươi